

Số: 2432 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch nhân rộng mô hình hướng dẫn, tuyên truyền sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn và thu gom bao thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2022 -2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân tỉnh Khánh Hòa Ban hành quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Khánh Hòa tại Tờ trình số 3044/TTr-SNN ngày 23 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch nhân rộng mô hình hướng dẫn, tuyên truyền sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn và thu gom bao thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2022 - 2025.

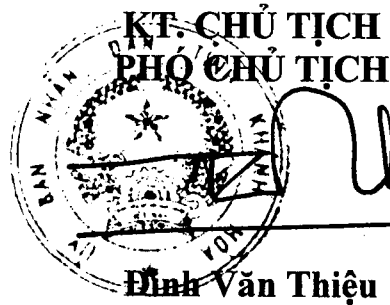
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Báo Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TL, TLe. 39

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Đinh Văn Thiệu

KẾ HOẠCH

Nhân rộng mô hình hướng dẫn, tuyên truyền sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn và thu gom bao thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2022 -2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa).

I. MỤC ĐÍCH

Diện tích gieo trồng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa hiện nay vào khoảng 100.000 ha (bao gồm cây hàng năm và cây lâu năm). Để phòng trừ sinh vật gây hại, người dân đã sử dụng thuốc BVTV để bảo vệ cây trồng. Mỗi năm lượng thuốc BVTV sử dụng trên địa bàn tỉnh khoảng 300-350 tấn, lượng bao gói thuốc BVTV chiếm khoảng 10% (tương đương 30-35 tấn/năm). Với diện tích gieo trồng như trên, theo Thông tư liên tịch số 05/2016/TT- BNNPTNT - BTNMT về hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, nhu cầu bể chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng của tỉnh Khánh Hòa vào khoảng 20.000 bể. Trong năm 2021, Sở Nông nghiệp và PTNT đã lắp đặt được 110 bể (đạt khoảng 0,55% so với nhu cầu) chiếm tỉ lệ rất thấp so với nhu cầu thực tế về số lượng bể chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng của các địa phương.

Hiện nay người dân vẫn chưa nhận thức được hết ý nghĩa của việc thu gom bao thuốc BVTV qua sử dụng và số lượng bể chứa bao thuốc BVTV sau sử dụng rất ít so với nhu cầu thực tế nên vẫn còn tình trạng một số người dân sau khi phun rải thuốc xong, bao gói, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật vứt bừa bãi trên đồng ruộng hoặc những nơi tiện tay, không bỏ vào đúng nơi theo quy định. Với lượng thuốc bảo vệ thực vật còn dính lại trong bao bì, chai lọ do không được súc rửa hết thuốc còn lại trước khi vứt bỏ, gây ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nước, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

Trong Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2022-2025, đối với xã nông thôn mới nâng cao có tiêu chí về môi trường quy định tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%.

Vì vậy nhiệm vụ “Thực hiện hướng dẫn, tuyên truyền sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn và thu gom bao thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa” là rất cần thiết.

II. MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và tác hại của việc thải bỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) sau sử dụng trên đồng ruộng và những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Nâng cao hiệu quả quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý lượng bao gói thuốc BVTV sau sử dụng phát sinh trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2022-2025 và những năm tiếp theo. Tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp an toàn bền vững, cải thiện môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, góp phần xây dựng và thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới và văn minh đô thị.

Hoàn thiện xây dựng, lắp đặt 810 bể chứa giai đoạn 2022-2025 theo Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, đảm bảo cho công tác thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng được thuận lợi phù hợp với tình hình thực tế tại 08 huyện, thị xã, thành phố trên toàn tỉnh.

Giai đoạn 2022-2025, tập huấn, vận động, tuyên truyền nhân dân tuân thủ nguyên tắc 4 đúng trong sử dụng thuốc BVTV tại địa phương, hướng dẫn thu gom và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng cho 4.500 người; lắp đặt 47 pano với nội dung tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người sử dụng thuốc BVTV về các nguy cơ do hóa chất BVTV, bao gói thuốc BVTV sau sử dụng gây ra đối với sức khỏe con người và môi trường sinh thái tại 08 huyện, thị xã, thành phố trên toàn tỉnh.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong công tác thu gom xử lý bao gói thuốc, hóa chất bảo vệ thực vật (BVTV) sau sử dụng

- Tổ chức 90 lớp tập huấn, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, hướng dẫn thu gom xử lý bao gói thuốc, hóa chất BVTV sau sử dụng.

- Nội dung tuyên truyền bao gồm: Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2013; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên

và Môi trường hướng dẫn thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;

- Đối tượng tham gia: Những cá nhân, tổ chức trực tiếp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

- Số lượng: 4.500 người/90 lớp.

- Thực hiện tuyên truyền bằng cách lắp đặt 47 pano, in 4.500 tờ rơi, 4.500 sổ tay tuyên truyền.

- Tuyên truyền bằng phương tiện thông tin truyền thông, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa xây dựng và phát sóng phóng sự về nội dung tuyên truyền về hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV, thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.

- Hướng dẫn đăng ký sở chủ nguồn rác thải nguy hại, quản lý các bể chứa, đồng thời đảm bảo thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng từ bể chứa đến khu lưu chứa hoặc nơi tập kết chung; Quy định địa điểm đặt bể chứa bảo đảm yêu cầu theo quy định.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2022-2025.

2. Xây dựng lắp đặt bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng

- Xây dựng và lắp đặt 810 bể chứa đảm bảo yêu cầu về vị trí và khoảng cách các bể theo đúng quy định được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2022-2025.

IV. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong công tác thu gom, xử lý bao gói thuốc, hóa chất bảo vệ thực vật sau sử dụng

a) Tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV)

- Xây dựng kinh phí, kế hoạch tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người sử dụng thuốc BVTV trong việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, hướng dẫn thu gom và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.

- Nội dung tuyên truyền về việc sử dụng thuốc BVTV an toàn và hiệu quả, hướng dẫn thu gom và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng cho người nông

dân, sản xuất nông sản an toàn cho người sử dụng, đảm bảo giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Dự kiến tổ chức tập huấn 90 lớp tuyên truyền cho 4.500 người tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn 2022 – 2025.

b) Lắp đặt pano, in tờ rơi, sổ tay tuyên truyền thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực sau sử dụng

- Xây dựng kinh phí, kế hoạch, nội dung tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người sử dụng thuốc BVTV về các nguy cơ do hóa chất BVTV, bao gói thuốc BVTV sau sử dụng gây ra đối với sức khỏe con người và môi trường sinh thái thông qua tờ rơi, pano.

- Dự kiến giai đoạn 2022-2025 lắp đặt 47 pano tại các xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh, in 4.500 tờ rơi, 4.500 sổ tay phát cho người dân tham gia lớp tập huấn.

c) Tuyên truyền bằng phương tiện thông tin, truyền thông

- Xây dựng và phát sóng 01 phóng sự truyền hình/năm với nội dung tuyên truyền về hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV an toàn, hiệu quả và thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.

d) Hướng dẫn việc quản lý nguồn rác thải là bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng

- Hướng dẫn đăng ký sở chủ nguồn rác thải nguy hại, quản lý các bể chứa, đồng thời đảm bảo thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng từ bể chứa đến khu lưu chứa hoặc nơi tập kết chung;

- Quy định địa điểm đặt bể chứa bảo đảm yêu cầu theo quy định;

- Hướng dẫn ký hợp đồng chuyển giao bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng với đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại để xử lý.

2. Xây dựng bể chứa bao gói thuốc, hóa chất bảo vệ thực vật sau sử dụng

Xây dựng và lắp đặt 810 bể đúng theo quy định được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT Hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2022 -2025. Mỗi bể có dung tích 01 m³ bằng vật liệu xi măng, cát, có đáy và nắp đậy, đảm bảo không thấm nước, bên ngoài bể chứa có ghi dòng chữ “Bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng” và biểu tượng cảnh báo nguy hiểm theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN

6707:2009 về Chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước: Tổng kinh phí triển khai: **5.008.750.000** (Năm tỷ không trăm linh tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Số lượng	Kinh phí thực hiện (VNĐ)
1	Xây dựng lắp đặt bể chứa	Bể	810	3.060.000.000
2	Tuyên truyền, tập huấn	Lớp	90	1.317.900.000
3	Lắp đặt pano hướng tuyên truyền	Cái	47	483.500.000
4	In ấn phát hành tờ rơi	Tờ	4.500	14.750.000
5	In ấn phát hành sổ tay hướng dẫn	Quyển	4.500	132.600.000
Tổng cộng				5.008.750.000

2. Kế hoạch kinh phí thực hiện của từng năm

Đơn vị tính: đồng

TT	Năm	Hạng mục	Đvt	Số lượng	Kinh phí thực hiện (VNĐ)
1	2022	Xây dựng lắp đặt bể chứa	Bể	60	210.000.000
		Tuyên truyền, tập huấn	Lớp	15	217.650.000
		Lắp đặt pano hướng tuyên truyền	Cái	5	50.000.000
		In ấn phát hành tờ rơi	Tờ	750	2.250.000
		In ấn phát hành sổ tay hướng dẫn	Quyển	750	20.100.000
2	2023	Xây dựng lắp đặt bể chứa	Bể	250	925.000.000
		Tuyên truyền, tập huấn	Lớp	25	365.710.000

		Lắp đặt pano hướng tuyên truyền	Cái	15	150.000.000
		In ấn phát hành tờ rơi	Tờ	1.250	3.750.000
		In ấn phát hành sổ tay hướng dẫn	Quyển	1.250	37.500.000
3	2024	Xây dựng lắp đặt bể chứa	Bể	250	925.000.000
		Tuyên truyền, tập huấn	Lớp	25	367.230.000
		Lắp đặt pano hướng tuyên truyền	Cái	15	157.500.000
		In ấn phát hành tờ rơi	Tờ	1.250	4.375.000
		In ấn phát hành sổ tay hướng dẫn	Quyển	1.250	37.500.000
4	2025	Xây dựng lắp đặt bể chứa	Bể	250	1.000.000.000
		Tuyên truyền, tập huấn	Lớp	25	367.310.000
		Lắp đặt pano hướng tuyên truyền	Cái	12	126.000.000
		In ấn phát hành tờ rơi	Tờ	1.250	4.375.000
		In ấn phát hành sổ tay hướng dẫn	Quyển	1.250	37.500.000
Tổng cộng					5.008.750.000

(Bảng biểu chi tiết đính kèm)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch đúng tiến độ và hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh.

- Định kỳ 6 tháng, hàng năm, tổng hợp tình hình thực hiện và những khó khăn, vướng mắc, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

2. Sở Tài Nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

- Hằng năm, thẩm định kế hoạch thực hiện của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời căn cứ kế hoạch kinh phí sự nghiệp môi trường được giao để phối hợp Sở Tài chính đề xuất UBND tỉnh phê duyệt và phân bổ kinh phí cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các đơn vị truyền thông như Đài phát thanh truyền hình Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa, ... xây dựng chuyên mục, tổ chức đưa tin nội dung tuyên truyền về hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV, thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.

5. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, chịu trách nhiệm tổng hợp, cân đối kinh phí theo khả năng Ngân sách từng năm để tham mưu, trình cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch đối với phạm vi chi do ngân sách địa phương đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Phụ nữ tỉnh

Tổ chức tuyên truyền, vận động các hội viên và nhân dân chấp hành tốt các quy định về sử dụng thuốc BVTV an toàn, hiệu quả và thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng đúng nơi quy định.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan, các tổ chức chính trị xã hội, các đoàn thể tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền, vận động người dân tham gia các lớp tập huấn, tuyên truyền về hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV an toàn, hiệu quả và thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.

- Định kỳ báo cáo 6 tháng, năm về số lượng bao gói thuốc BVTV được thu gom vào các bể chứa cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Khánh Hòa.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, cần bổ sung những nội dung cụ thể của Đề án, các sở, ngành, địa phương chủ động báo cáo qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Bảng 1: Tổng kinh phí giai đoạn 2022 – 2025*Đơn vị tính: đồng*

STT	Hạng mục	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	Tập huấn	217.650.000	365.710.000	367.230.000	367.310.000
1	Ninh Hòa	88.020.000	88.020.000	73.350.000	88.020.000
2	Diên Khánh	85.620.000	85.620.000	71.350.000	71.350.000
3	Vạn Ninh	-	89.220.000	59.480.000	59.480.000
4	Cam Lâm	-	73.350.000	73.350.000	-
5	Khánh Sơn	-	-	45.450.000	45.450.000
6	Khánh Vĩnh	-	29.500.000	44.250.000	59.000.000
7	Cam Ranh	44.010.000	-	-	44.010.000
II	Sổ tay, tờ rơi	22.350.000	41.250.000	41.875.000	41.875.000
1	Tờ rơi	2.250.000	3.750.000	4.375.000	4.375.000
2	Sổ tay	20.100.000	37.500.000	37.500.000	37.500.000
III	Vật tư xây dựng	260.000.000	1.075.000.000	1.082.500.000	1.126.000.000
1	Bi bể	210.000.000	925.000.000	925.000.000	1.000.000.000
2	Pano	50.000.000	150.000.000	157.500.000	126.000.000
TỔNG CỘNG (I+II+III)		500.000.000	1.481.960.000	1.491.605.000	1.535.185.000
TỔNG KINH PHÍ		5.008.750.000			

(Bằng chữ: Năm tỷ không trăm linh tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

Bảng 2: Tổng kinh phí năm 2022*Đơn vị tính: đồng*

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Tập huấn		15		217.650.000	
1	Ninh Hòa	lớp	6	14.670.000	88.020.000	
2	Diên Khánh	lớp	6	14.270.000	85.620.000	
3	Vạn Ninh	lớp	0	14.870.000	-	
4	Cam Lâm	lớp	0	14.670.000	-	
5	Khánh Sơn	lớp	0	15.150.000	-	
6	Khánh Vĩnh	lớp	0	14.750.000	-	
7	Cam Ranh	lớp	3	14.670.000	44.010.000	
II	Sổ tay, tờ rơi				22.350.000	Theo thực tế
1	Tờ rơi	tờ	750	3.000	2.250.000	
2	Sổ tay	quyển	750	26.800	20.100.000	
III	Vật tư xây dựng				260.000.000	
1	Bi bể	bể	60	3.500.000	210.000.000	Bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt
2	Pano	cái	5	10.000.000	50.000.000	Bao gồm chi phí thi công
TỔNG CỘNG (I+II+III)					500.000.000	

(Bảng chữ: Năm trăm triệu đồng)

Bảng 3: Tổng kinh phí năm 2023*Đơn vị tính: đồng*

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Tập huấn		25		365.710.000	
1	Ninh Hòa	lớp	6	14.670.000	88.020.000	
2	Diên Khánh	lớp	6	14.270.000	85.620.000	
3	Vạn Ninh	lớp	6	14.870.000	89.220.000	
4	Cam Lâm	lớp	5	14.670.000	73.350.000	
5	Khánh Sơn	lớp	0	15.150.000	-	
6	Khánh Vĩnh	lớp	2	14.750.000	29.500.000	
7	Cam Ranh	lớp	0	14.670.000	-	
II	Sổ tay, tờ rơi				41.250.000	Theo thực tế
1	Tờ rơi	tờ	1250	3.000	3.750.000	
2	Sổ tay	quyển	1250	30.000	37.500.000	
III	Vật tư xây dựng				1.075.000.000	
1	Bi bể	bể	250	3.700.000	925.000.000	Bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt
2	Pano	cái	15	10.000.000	150.000.000	Bao gồm chi phí thi công
TỔNG CỘNG (I+II+III)					1.481.960.000	

(Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm tám mươi một triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng)

Bảng 4: Tổng kinh phí năm 2024*Đơn vị tính: đồng*

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Tập huấn		25		367.230.000	
1	Ninh Hòa	lớp	5	14.670.000	73.350.000	
2	Diên Khánh	lớp	5	14.270.000	71.350.000	
3	Vạn Ninh	lớp	4	14.870.000	59.480.000	
4	Cam Lâm	lớp	5	14.670.000	73.350.000	
5	Khánh Sơn	lớp	3	15.150.000	45.450.000	
6	Khánh Vĩnh	lớp	3	14.750.000	44.250.000	
7	Cam Ranh	lớp	0	14.670.000	-	
II	Sổ tay, tờ rơi				41.875.000	Theo thực tế
1	Tờ rơi	tờ	1250	3.500	4.375.000	
2	Sổ tay	quyển	1250	30.000	37.500.000	
III	Vật tư xây dựng				1.082.500.000	
1	Bi bẻ	bẻ	250	3.700.000	925.000.000	Bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt
2	Pano	cái	15	10.500.000	157.500.000	Bao gồm chi phí thi công
TỔNG CỘNG (I+II+III)					1.491.605.000	

(Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm chín mươi một triệu sáu trăm linh năm nghìn đồng)

Bảng 5: Tổng kinh phí năm 2025*Đơn vị tính: đồng*

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Tập huấn		25		367.310.000	
1	Ninh Hòa	lớp	6	14.670.000	88.020.000	
2	Diên Khánh	lớp	5	14.270.000	71.350.000	
3	Vạn Ninh	lớp	4	14.870.000	59.480.000	
4	Cam Lâm	lớp	0	14.670.000	-	
5	Khánh Sơn	lớp	3	15.150.000	45.450.000	
6	Khánh Vĩnh	lớp	4	14.750.000	59.000.000	
7	Cam Ranh	lớp	3	14.670.000	44.010.000	
II	Sổ tay, tờ rơi				41.875.000	Theo thực tế
1	Tờ rơi	tờ	1250	3.500	4.375.000	
2	Sổ tay	quyển	1250	30.000	37.500.000	
III	Vật tư xây dựng				1.126.000.000	
1	Bi bể	bể	250	4.000.000	1.000.000.000	Bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt
2	Pano	cái	12	10.500.000	126.000.000	Bao gồm chi phí thi công
TỔNG CỘNG (I+II+III)					1.535.185.000	

(Bằng chữ: Một tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu một trăm tám mươi lăm đồng)

Biểu 1: Kinh phí tập huấn thu gom bao thuốc BVTV sau sử dụng tại thị xã Ninh Hòa*Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Kinh phí hỗ trợ				11.750.000	
1	Thuê hội trường	ngày	2	500.000	1.000.000	Theo thực tế
2	Hỗ trợ tiền ăn (2 ngày * 50 người * 80.000đ/ người)	người	50	80.000	8.000.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
3	Nước uống (2 ngày * 50 người * 15.000 đồng/người)	người	50	15.000	1.500.000	
4	Tài liệu	bộ	50	23.000	1.150.000	Theo thực tế
5	Công phục vụ	ngày	2	50.000	100.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
II	Phụ cấp công tác phí, thuê xe				2.920.000	
1	Phụ cấp công tác phí (80.000đ/người/ngày x 02 người x 2 ngày)	người	2	80.000	320.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
2	Thuê xe	chuyến	2	1.300.000	2.600.000	Theo thực tế
III	Tổng cộng (I+II)				14.670.000	

(Bằng chữ: Mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng)

Biểu 2: Kinh phí tập huấn thu gom bao thuốc BVTV sau sử dụng tại huyện Diên Khánh*Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Kinh phí hỗ trợ				11.750.000	
1	Thuê hội trường	ngày	2	500.000	1.000.000	Theo thực tế
2	Hỗ trợ tiền ăn (2 ngày * 50 người * 80.000đ/ người)	người	50	80.000	8.000.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
3	Nước uống (2 ngày * 50 người * 15.000 đồng/người)	người	50	15.000	1.500.000	
4	Tài liệu	bộ	50	23.000	1.150.000	Theo thực tế
5	Công phục vụ	ngày	2	50.000	100.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
II	Phụ cấp công tác phí, thuê xe				2.520.000	
1	Phụ cấp công tác phí (80.000đ/người/ngày x 02 người x 2 ngày)	người	2	80.000	320.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
2	Thuê xe	chuyến	2	1.100.000	2.200.000	Theo thực tế
III	Tổng cộng (I+II)				14.270.000	

(Bằng chữ: Mười bốn triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng)

Biểu 3: Kinh phí tập huấn thu gom bao thuốc BVTV sau sử dụng tại huyện Vạn Ninh*Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Kinh phí hỗ trợ				11.750.000	
1	Thuê hội trường	ngày	2	500.000	1.000.000	Theo thực tế
2	Hỗ trợ tiền ăn (2 ngày * 50 người * 80.000đ/ người)	người	50	80.000	8.000.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
3	Nước uống (2 ngày * 50 người * 15.000 đồng/người)	người	50	15.000	1.500.000	
4	Tài liệu	bộ	50	23.000	1.150.000	Theo thực tế
5	Công phục vụ	ngày	2	50.000	100.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
II	Phụ cấp công tác phí, thuê xe				3.120.000	
1	Phụ cấp công tác phí (80.000đ/người/ngày x 02 người x 2 ngày)	người	2	80.000	320.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
2	Thuê xe	chuyến	2	1.400.000	2.800.000	Theo thực tế
III	Tổng cộng (I+II)				14.870.000	

(Bằng chữ: Mười bốn triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng)

Biểu 4: Kinh phí tập huấn thu gom bao thuốc BVTV sau sử dụng tại huyện Cam Lâm*Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Kinh phí hỗ trợ				11.750.000	
1	Thuê hội trường	ngày	2	500.000	1.000.000	Theo thực tế
2	Hỗ trợ tiền ăn (2 ngày * 50 người * 80.000đ/ người)	người	50	80.000	8.000.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
3	Nước uống (2 ngày * 50 người * 15.000 đồng/người)	người	50	15.000	1.500.000	
4	Tài liệu	bộ	50	23.000	1.150.000	Theo thực tế
5	Công phục vụ	ngày	2	50.000	100.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
II	Phụ cấp công tác phí, thuê xe				2.920.000	
1	Phụ cấp công tác phí (80.000đ/người/ngày x 02 người x 2 ngày)	người	2	80.000	320.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
2	Thuê xe	chuyến	2	1.300.000	2.600.000	Theo thực tế
III	Tổng cộng (I+II)				14.670.000	

(Bằng chữ: Mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng)

Biểu 5: Kinh phí tập huấn thu gom bao thuốc BVTV sau sử dụng tại huyện Khánh Sơn*Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Kinh phí hỗ trợ				11.750.000	
1	Thuê hội trường	ngày	2	500.000	1.000.000	Theo thực tế
2	Hỗ trợ tiền ăn (2 ngày * 50 người * 80.000đ/ người)	người	50	80.000	8.000.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
3	Nước uống (2 ngày * 50 người * 15.000 đồng/người)	người	50	15.000	1.500.000	
4	Tài liệu	bộ	50	23.000	1.150.000	Theo thực tế
5	Công phục vụ	ngày	2	50.000	100.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
II	Phụ cấp công tác phí, thuê xe				3.400.000	
1	Phụ cấp công tác phí (80.000đ/người/ngày x 02 người x 2 ngày)	người	2	100.000	400.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
2	Thuê xe	chuyến	2	1.500.000	3.000.000	Theo thực tế
III	Tổng cộng (I+II)				15.150.000	

(Bằng chữ: Mười lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)

Biểu 6: Kinh phí tập huấn thu gom bao thuốc BVTV sau sử dụng tại huyện Khánh Vĩnh*Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Kinh phí hỗ trợ				11.750.000	
1	Thuê hội trường	ngày	2	500.000	1.000.000	Theo thực tế
2	Hỗ trợ tiền ăn (2 ngày * 50 người * 80.000đ/ người)	người	50	80.000	8.000.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
3	Nước uống (2 ngày * 50 người * 15.000 đồng/người)	người	50	15.000	1.500.000	
4	Tài liệu	bộ	50	23.000	1.150.000	Theo thực tế
5	Công phục vụ	ngày	2	50.000	100.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
II	Phụ cấp công tác phí, thuê xe				3.000.000	
1	Phụ cấp công tác phí (80.000đ/người/ngày x 02 người x 2 ngày)	người	2	100.000	400.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
2	Thuê xe	chuyến	2	1.300.000	2.600.000	Theo thực tế
III	Tổng cộng (I+II)				14.750.000	

(Bằng chữ: Mười bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)



Biểu 7: Kinh phí tập huấn thu gom bao thuốc BVTV sau sử dụng tại thành phố Cam Ranh

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Kinh phí hỗ trợ				11.750.000	
1	Thuê hội trường	ngày	2	500.000	1.000.000	Theo thực tế
2	Hỗ trợ tiền ăn (2 ngày * 50 người * 80.000đ/ người)	người	50	80.000	8.000.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
3	Nước uống (2 ngày * 50 người * 15.000 đồng/người)	người	50	15.000	1.500.000	
4	Tài liệu	bộ	50	23.000	1.150.000	Theo thực tế
5	Công phục vụ	ngày	2	50.000	100.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
II	Phụ cấp công tác phí, thuê xe				2.920.000	
1	Phụ cấp công tác phí (80.000đ/người/ngày x 02 người x 2 ngày)	người	2	80.000	320.000	Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND
2	Thuê xe	chuyến	2	1.300.000	2.600.000	Theo thực tế
III	Tổng cộng (I+II)				14.670.000	

(Bằng chữ: Mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng)